TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16/4/2020
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nô;

2. Bà Thi Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 441/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Bảo Tr, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ 08 (cũ tổ 11), khóm Long Thạnh 1, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn Th, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 11, khóm Long Thạnh 1, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Chị Bảo Tr và anh Văn Th đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Bùi Thị Bảo Tr trình bày: Năm 2006, chị Tr và anh Th tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp nhận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Sơn, huyện Phú Tân (nay là phường Long Sơn, thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18, quyển số I, ngày 24/02/2009. Sau khi

kết hôn, chị Tr và anh Th chung sống với gia đình anh Th tại khóm Long Thạnh 1, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu đến tháng 11/2019.

Từ khi kết hôn cho đến nay, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, anh Th không có trách nhiệm với gia đình, chỉ lo ăn chơi, uống rượu và có mối quan hệ trai gái bên ngoài (mối quan hệ trai gái chị Tr không có chứng cứ chứng minh). Chị Tr đã nhiều lần khuyên nhưng anh Th không thay đổi tính tình, đến tháng 11/2019, chị Tr không thể khuyên anh Th được nên chị Tr đã dọn về nhà tại tổ 8, khóm Long Thạnh 1, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu cho đến nay. Từ ngày Tòa án hòa giải ngày 10/01/2020 cho đến nay, anh Th có đến gặp chị Tr để hàn gắn tình cảm gia đình, chị Tr vẫn tạo điều kiện để anh Th thăm nom các con chung, anh Th có năn nỉ chị Tr, mong muốn chị Tr cho cơ hội để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng chị Tr không đồng ý vì mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị Tr không thể tiếp tục hàn gắn tình cảm với anh Th. Mâu thuẫn gia đình của chị Tr và anh Th chỉ có anh Th và chị Tr biết, chị Tr đã chịu đựng từ khi kết hôn với anh Th cho đến nay, anh Th là người cha, người chồng nhưng không quan tâm chăm sóc gia đình. Chị Tr kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Th, không thể tiếp tục chung sống với anh Th.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Tr và anh Th có 03 (ba) con chung tên Đặng Thế M, sinh ngày 08/11/2007; Đặng Nhật M, sinh ngày 17/02/2013 và Đặng Ngọc E, sinh ngày 26/3/2018.

Chị Tr yêu cầu được nuôi dạy 03 con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, chị Tr buôn bán quần áo tại nhà và theo hình thức trực tuyến (online), thu nhập ổn định từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng, đủ khả năng nuôi dạy các con chung. Mặc dù nơi ở các cháu cách trường học khoảng 9 km nhưng chị Tr đảm bảo thời gian đưa rước các cháu đi học.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản ghi nhận lời khai, biên bản hòa giải quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Đặng Văn Th trình bày: Thống nhất về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân, quá trình chung sống của vợ chồng như chị Tr trình bày. Thời gian vợ chồng chung sống, anh Th thiếu trách nhiệm với gia đình, không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha làm cho vợ con buồn khổ. Kể từ ngày, chị Tr gửi đơn kiện tại Tòa án và chị Tr cùng các con chung về nhà cha mẹ ruột chị Tr sống, anh Th suy nghĩ và nhận thấy có lỗi với vợ, con nên đã cố gắng sửa đổi bản thân, dọn dẹp nhà cửa, đi làm để kiếm thu nhập chăm lo các con chung. Sau ngày Tòa án hòa giải ngày 10/01/2020 cho đến nay, anh Th có đến gặp chị Tr để hàn gắn tình cảm gia đình, chị Tr tạo điều kiện để anh Th thăm nom các con chung, anh Th năn nỉ chị Tr, mong muốn chị Tr cho cơ hội để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng chị Tr không đồng ý hàn gắn tình cảm gia đình với anh Th. Anh Th vẫn còn thương vợ, thương con mong muốn

chị Tr và Tòa án cho anh Th cơ hội để hàn gắn tình cảm gia đình, để các con chung có cha, có mẹ.

Về con chung, trong thời kỳ hôn nhân, anh Th và chị Tr có 03 (ba) con chung tên Đặng Thế M, sinh ngày 08/11/2007; Đặng Nhật M, sinh ngày 17/02/2013 và Đặng Ngọc E, sinh ngày 26/3/2018.

Anh Th mong muốn được hàn gắn tình cảm gia đình để cùng Tr nuôi dạy các con chung. Nếu Tòa án cho ly hôn, anh Th yêu cầu được nuôi dạy 03 con chung và không yêu cầu Tr cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại, anh Th dọn dẹp nhà cửa và làm lúa nước, thu nhập theo mùa lúa (khoảng 3 tháng 10 ngày/mùa), từ khoảng 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/mùa, nhà anh Th ở gần trường học các cháu, nơi học của cháu Thế M cách nhà khoảng 1 (một) km, nơi học cháu Nhật M cách nhà khoảng 01 (một) km, cháu E chưa đi học, chị Tr trực tiếp nuôi dạy, thỉnh thoảng anh Th có rước về nhà.

Trường hợp, chị Tr trực tiếp nuôi dạy các con chung thì anh Th tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/01 con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải về tình cảm và con chung giữa các đương sự nhưng không thành.

- Tại phiên tòa, chị Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu. Anh Th khai, trong thời gian chị Tr xin ly hôn thì anh Th có sửa chữa sai lầm, nhưng Tr vẫn cương quyết ly hôn. Anh Th thống nhất thuận tình ly hôn với chị Tr; Anh Th đồng ý giao 03 con chung cho chị Tr nuôi dạy và tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000/tháng/01 con chung.

Hội đồng xét xử, công bố biên bản xác minh ngày 15/02/2020 do Hội Liên hiệp Phụ nữ phường Long Sơn cung cấp: Chị Bùi Thị Bảo Tr, sinh năm 1990 và anh Đặng Văn Th, sinh năm 1983 là vợ chồng cùng cư trú tổ 11, khóm Long Thạnh 1, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Quá trình chung sống tại địa phương, vợ chồng chị Tr và anh Th có mâu thuẫn như thế nào thì Hội Phụ nữ không biết, vợ chồng chị Tr và anh Th không có trường hợp bạo hành gia đình.

Thời gian chung sống, anh Th và chị Tr có 03 con chung tên: Đặng Thế M, sinh năm 2007; Đặng Nhật M, sinh năm 2013 và Đặng Ngọc E, sinh năm 2018. Từ trước đến khi chị Tr khởi đơn kiện ly hôn với anh Th thì 03 (ba) con chung sống chung với anh Th và chị Tr. Từ khi chị Tr khởi đơn kiện anh Th đến nay thì 03 (ba) con chung đang sống chung với chị Tr cùng gia đình chị Tr. Hiện nay, các cháu được nuôi dạy tốt và đi học đúng theo độ tuổi.

Qua tìm hiểu được biết chị Tr kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Th vì cho rằng không thể tiếp tục chung sống với anh Th, còn phía anh Th thì mong muốn được hàn gắn tình cảm gia đình vì anh Th đã biết sai lầm của anh Th trước đây. Cháu Thế M và cháu Nhật M có nguyện vọng sống cùng chị Tr.

Biên bản xác minh Ban khóm Long Thạnh 1, phường Long Sơn: Ở địa phương, anh Th và chị Tr chấp hành tốt qui định pháp luật. Mâu thuẫn gia đình của anh Th và chị Tr ban khóm không biết. Hiện nay, anh Th và chị Tr không còn chung sống với nhau. Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh Th và chị Tr có 03 (ba) con chung tên Đặng Thế M, sinh năm 2007; Đặng Nhật M, sinh năm 2013 và Đặng Ngọc E, sinh năm 2018. Hai vợ chồng nuôi dạy 03 (ba) cháu tốt. Hiện nay, 03 (ba) con chung về chung sống với chị Tr cùng gia đình cha mẹ ruột của chị Tr.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, chị Tr và anh Th tìm hiểu yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2009 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Tháng 11/2019, phát sinh mâu thuẫn do anh Th không có trách nhiệm với gia đình, chỉ lo ăn chơi, uống rượu và có quan hệ tình cảm nam nữ bên ngoài nhưng chị Tr không chứng minh được. Anh Th khai, từ khi chị Tr xin ly hôn, anh Th đã sửa chữa thay đổi tính tình, nhưng Tr không sống chung. Tại phiên tòa, anh Th thống nhất thuận tình ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Tr và anh Th có 03 (ba) con chung tên Đặng Thế M, sinh ngày 08/11/2007; Đặng Nhật M, sinh ngày 17/02/2013 và Đặng Ngọc E, sinh ngày 26/3/2018.

Chị Tr yêu cầu được nuôi dạy 03 con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, chị Tr buôn bán quần áo tại nhà và theo hình thức trực tuyến (online), thu nhập ổn định từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng, đủ khả năng nuôi dạy các con chung. Anh Th đồng ý giao 03 con chung cho chị Tr nuôi dạy và tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/01 con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 52, 53, 54, 55, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Bảo Tr và anh Đặng Văn Th.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Tr và anh Th, chị Tr được nuôi dạy 03 con chung tên Đặng Thế M, sinh ngày 08/11/2007; Đặng Nhật M, sinh ngày 17/02/2013 và Đặng Ngọc E, sinh ngày 26/3/2018. Anh Đặng Văn Th tự nguyện cấp dưỡng cho các con chung 1.000.000đồng/cháu/tháng.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

Về thẩm quyền: Chị Bùi Thị Bảo Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đặng Văn Th. Anh Th có nơi cư trú: khóm Long Thạnh 1, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Sơn, huyện Phú Tân (nay là phường Long Sơn, thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18, quyển số I, ngày 24/02/2009 nên hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị Tr khai, sau khi kết hôn cho đến nay cuộc sống chung của chị Tr và anh Th không hạnh phúc, anh Th không có trách nhiệm với gia đình, chỉ lo ăn chơi, uống rượu và có mối quan hệ trai gái bên ngoài (mối quan hệ trai gái chị Tr không có chứng cứ chứng minh). Chị Tr đã nhiều lần khuyên nhưng anh Th không thay đổi tính tình, đến tháng 11/2019, chị Tr không thể khuyên anh Th được nên chị Tr đã dọn về nhà tại tổ 8, khóm Long Thạnh 1, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh Th có đến gặp chị Tr để hàn gắn tình cảm gia đình, chị Tr vẫn tạo điều kiện để anh Th thăm nom các con chung, anh Th có năn nỉ chị Tr, mong muốn chị Tr cho cơ hội để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng chị Tr không đồng ý vì mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị Tr không thể tiếp tục hàn gắn tình cảm với anh Th. Mâu thuẫn gia đình của chị Tr và anh Th chỉ

có anh Th và chị Tr biết, chị Tr đã chịu đựng từ khi kết hôn với anh Th cho đến nay, anh Th là người cha, người chồng nhưng không quan tâm chăm sóc gia đình. Chị Tr cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Th.

Anh Th khai, thời gian vợ chồng chung sống, anh Th thiếu trách nhiệm với gia đình, không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha làm cho vợ con buồn khổ. Kể từ ngày, chị Tr khởi đơn kiện tại Tòa án và chị Tr cùng các chung về nhà cha mẹ ruột chị Tr sống, anh Th suy nghĩ và nhận thấy có lỗi với vợ, con nên đã cố gắng sửa đổi bản thân, dọn dẹp nhà cửa, đi làm để kiếm thu nhập chăm lo các con chung. Thời gian, Tr bỏ nhà đi, anh Th có đến gặp chị Tr để hàn gắn tình cảm gia đình, chị Tr tạo điều kiện để anh Th thăm nom các con chung, anh Th năn nỉ chị Tr, mong muốn chị Tr cho cơ hội để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng chị Tr không đồng ý hàn gắn tình cảm gia đình với anh Th. Anh Th thống nhất thuận tình ly hôn với chị Tr do thời gian sống xa nhau đã lâu không thể hàn gắn tình cảm, cuộc sống chung không hạnh phúc.

Căn cứ vào kết quả xác minh tại địa phương, mâu thuẫn gia đình của chị Tr và anh Th thì Ban khóm Long Thạnh 1 và Hội liên hiệp phụ nữ phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang không biết. Vợ chồng chị Tr và anh Th không có trường hợp bạo hành gia đình. Ở địa phương, anh Th và chị Tr chấp hành tốt quy định pháp luật. Chị Tr và anh Th nuôi dạy 03 (ba) con chung tốt.

Chị Tr và anh Th nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không hạnh phúc nên thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Tr và anh Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và việc thuận tình ly hôn giữa chị Tr và anh Th là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Xét, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Bảo Tr và anh Đặng Văn Th theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, biên bản ghi nhận lời khai bị đơn, biên bản hòa giải về con chung chị Tr và anh Th đồng thống nhất khai có 03 con chung tên Đặng Thế M, sinh ngày 08/11/2007; Đặng Nhật M, sinh ngày 17/02/2013 và Đặng Ngọc E, sinh ngày 26/3/2018.

Chị Tr yêu cầu được nuôi dạy 03 con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, chị Tr buôn bán quần áo tại nhà và theo hình thức trực tuyến (online), thu nhập ổn định từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng, đủ khả năng nuôi dạy các con chung. Anh Th đồng ý giao 03 con chung cho chị Tr nuôi dạy và tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/01 con chung. Ngoài ra, cháu Thế M và cháu Nhật M có nguyện vọng được sống chung với mẹ Tr vì mẹ Tr đã chăm sóc, nuôi dạy các cháu có cuộc sống đầy đủ và được đi học. Xét, giao 03 con chung tên Đặng Thế M, sinh ngày 08/11/2007; Đặng Nhật M, sinh ngày 17/02/2013 và Đặng Ngọc E, sinh ngày 26/3/2018 cho chị Tr nuôi dạy. Công nhận sự tự nguyện của anh Th cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/tháng/01 con chung, kể từ ngày 16/4/2020 cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động.

Chị Tr cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Th trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

(Theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014).

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr và anh Th thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Tr phải chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí của anh Th; tổng cộng 300.000 đồng án phí, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm (cấp dưỡng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Bảo Tr và anh Đặng Văn Th.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18, quyển số I, ngày 24/02/2009 do Ủy ban nhân dân xã Long Sơn, huyện Phú Tân (nay là phường Long Sơn), thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho chị Bùi Thị Bảo Tr và anh Đặng Văn Th không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Bùi Thị Bảo Tr được nuôi dạy 03 (ba) con chung tên Đặng Thế M, sinh ngày 08/11/2007; Đặng Nhật M, sinh ngày 17/02/2013 và Đặng Ngọc E, sinh ngày 26/3/2018. Công nhận sự tự nguyện của anh Đặng Văn Th cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/tháng/01 con chung, kể từ ngày 16/4/2020 cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động.

Chị Bùi Thị Bảo Tr cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Th trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bùi Thị Bảo Tr phải chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và tự nguyện chiu 150.000 đồng án phí của anh Th; tổng cộng 300.000 đồng án phí, nhưng được khấu trừ vào 300.0000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2017/0002415 ngày 04/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu; chị Tr đã nộp đủ án phí.

Anh Đặng Văn Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Tr và anh Th có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bạch Tuyết